

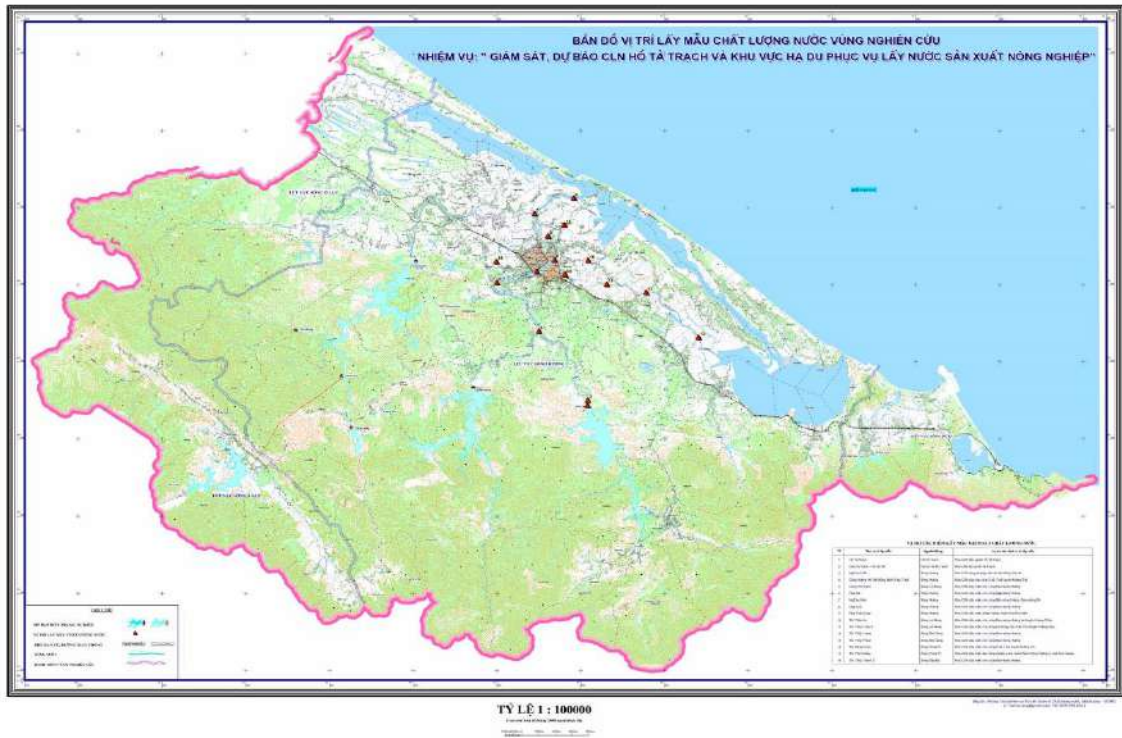
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI MIỀN TRUNG VÀ TÂY NGUYÊN

Nhiệm vụ “*Giám sát, dự báo chất lượng nước hồ Tả Trạch và khu vực hạ du, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2023*”

BẢN TIN KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC KỲ 13

NGÀY LẤY MẪU: 11/05/2023

NGÀY THÔNG TIN KẾT QUẢ PHÂN TÍCH: 18/05/2023



Hệ thống thủy lợi Tả Trạch

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 5 năm 2023

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI MIỀN TRUNG VÀ TÂY NGUYÊN

Nhiệm vụ “*Giám sát, dự báo chất lượng nước hồ Tả Trạch và khu vực hạ du, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2023*”

BẢN TIN KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC KỶ 13

NGÀY LẤY MẪU: 11/05/2023

NGÀY THÔNG TIN KẾT QUẢ PHÂN TÍCH: 18/05/2023

**CƠ QUAN THỰC HIỆN
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI
MIỀN TRUNG VÀ TÂY NGUYÊN
VIỆN TRƯỞNG**

Hoàng Ngọc Tuấn

Thông tin chung:

Nhiệm vụ Giám sát, dự báo chất lượng nước hồ Tả Trạch và khu vực hạ du, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2023 được Cục Thủy lợi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao Viện Khoa học Thủy lợi miền Trung và Tây Nguyên thực hiện. Năm 2023, có 11 đợt lấy mẫu quan trắc chất lượng nước trong hệ thống với 15 điểm quan trắc và 13 chỉ tiêu phân tích. Trong mỗi đợt lấy mẫu có 01 bản tin kết quả quan trắc chất lượng nước. Các bản tin được đưa lên websites tại địa chỉ www.cviwr.vn và được gửi cho các địa phương vùng dự án.

Bản tin kết quả phân tích chất lượng nước kỳ 13 lấy mẫu ngày 11/5/2023, nội dung gồm: kết quả phân tích các chỉ tiêu; kết quả tính chỉ số WQI và những khuyến cáo về chất lượng nước khi sử dụng phục vụ SXNN.

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 5 năm 2023

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC KỶ 13

1. Nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước hồ Tả Trạch và khu vực hạ du, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.

2. Ngày quan trắc: 11/5/2023

3. Ngày cung cấp thông tin: 18/5/2023

Mô tả thời tiết lúc lấy mẫu: Trời nắng nóng

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 15 vị trí

5. Đơn vị thực hiện: Viện Khoa học Thủy lợi miền Trung và Tây Nguyên

Người cung cấp thông tin: Viện Khoa học Thủy lợi miền Trung và Tây Nguyên

6. Đơn vị nhận thông tin: Cục Thủy lợi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

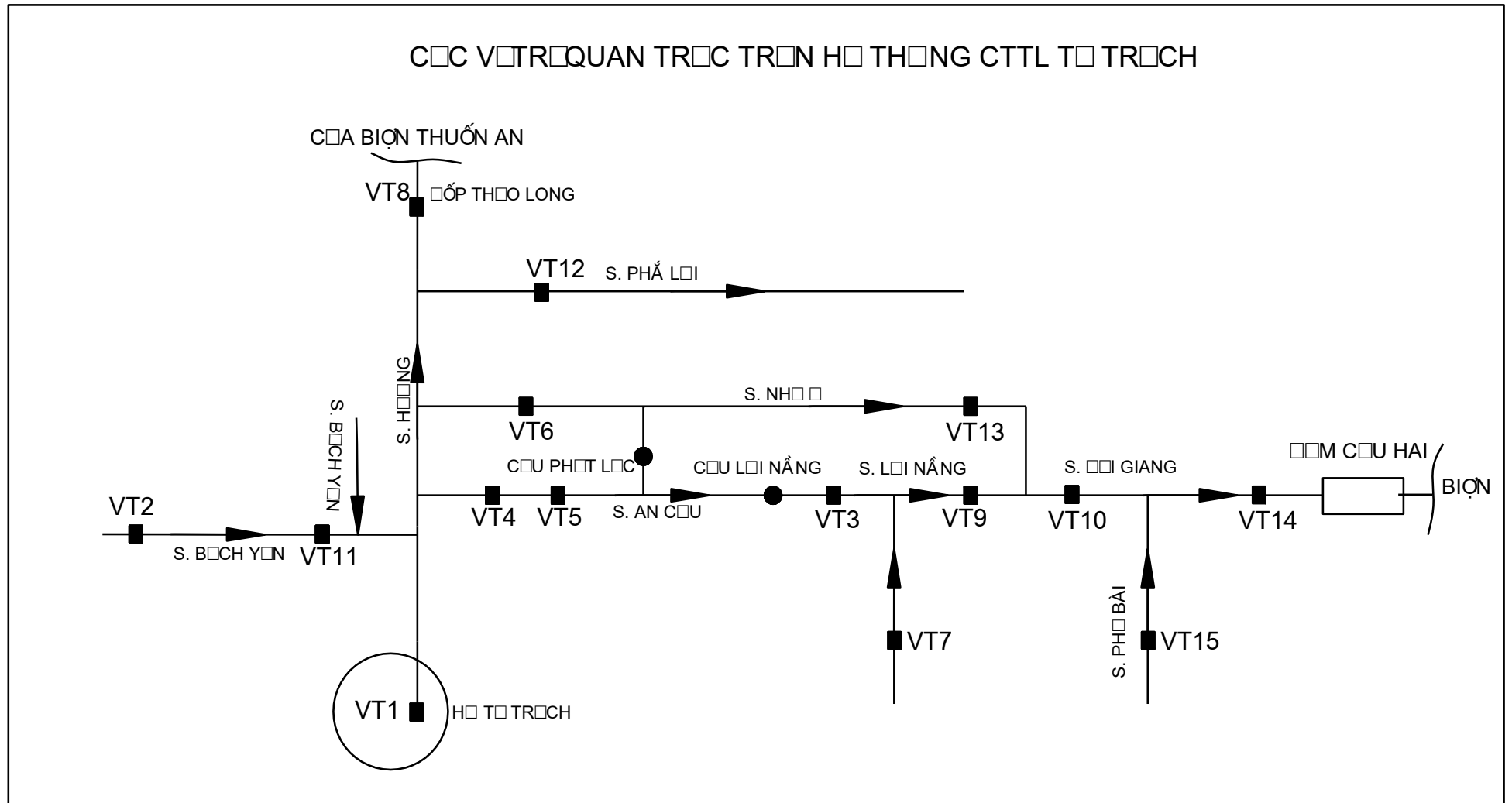
7. Vị trí lấy mẫu:

Bảng 1. Vị trí các điểm lấy mẫu giám sát chất lượng nước

STT	Tên vị trí	Tọa độ		Nguồn/sông	Mục đích lấy mẫu
		Vĩ độ N	Kinh độ E		
VT1	Hồ Tả Trạch	16°18'53.2"N	107°38'12.5"E	Hồ Tả Trạch	Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh
VT2	Trạm bơm La Chũ	16°29'20.6"N	107°30'59.9"E	Sông Hương	Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh
VT3	Phía sau nhà máy dệt Thủy Dương (sông An Cựu)	16°26'57.3"N	107°37'16.2"E	Sông An Cựu	Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh
VT4	Chợ An Cựu (sông An Cựu)	16°27'25.1"N	107°36'05.8"E	Sông An Cựu	Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh
VT5	Cổng Phú Cam sông An Cựu	16°27'21.5"N	107°35'38.2"E	Sông An Cựu	Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh
VT6	Đập đá sông Hương	16°28'24.0"N	107°35'42.5"E	Sông Hương	Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh
VT7	Cầu Vực	16°25'33.66"N	107°39'14.0"E	Sông Lợi Nông	Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh
VT8	Đập Thảo Long	16°32'55.0"N	107°37'01.3"E	Sông Hương	Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh + Kiểm soát độ mặn
VT9	Trạm bơm Thủy Châu 1 sông Lợi Nông	16°26'40.6"N	107°39'09.3"E	Sông Lợi Nông	Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh
VT10	Trạm bơm Thủy Phù 2 sông Đại Giang	16°23'11.3"N	107°44'58.0"E	Sông Đại Giang	Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh
VT11	Trạm bơm Cổ Bưu kênh 5 xã, 7 xã sông Hương	16°28'28.5"N	107°31'53.6"E	Sông Hương	Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh

STT	Tên vị trí	Tọa độ		Nguồn/sông	Mục đích lấy mẫu
		Vĩ độ N	Kinh độ E		
VT12	Trạm bơm Phú Dương sông Phở Lợi	16°30'46.5"N	107°36'32.8"E	Sông Phở Lợi	Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh
VT13	Trạm bơm Thủy Thanh 2 sông Như Ý	16°27'48.6"N	107°38'53.6"E	Sông Như Ý	Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh
VT14	Cống Quan sông Đại Giang	16°21'35.1"N	107°46'32.5"E	Sông Đại Giang	Kiểm soát độ mặn
VT15	Phía sau KCN Phú Bài	16°22'47.96"N	107°41'37.94"E	Sông Phú Bài	Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh

8. Bản đồ vị trí các trạm quan trắc



Hình 1. Sơ đồ đường thẳng các vị trí quan trắc mẫu

9. Một số hình ảnh thông tin lúc lấy mẫu kỳ 13:



Hình 1. TB. Thủy Phù



Hình 2. Cống Quan



Hình 3. Chợ An Cựu



Hình 4. Đo mặn ở đập Thảo Long



Hình 5. KCN Phú Bài



Hình 6. TB. Phú Dương

I. KẾT QUẢ QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG NƯỚC HỒ TẢ TRẠCH VÀ KHU VỰC HẠ DU KỲ 13

a. Kết quả đo độ mặn (VT8, VT14) Bảng 1. Kết quả đo độ mặn trung bình ngày

TT	Độ mặn (%)			
	VT8 15hph		VT14 10h30ph	
	Thượng lưu đập	Hạ lưu đập	Thượng lưu đập	Hạ lưu đập
Ngày 11/5	0,0	5,6	0,0	3,7

b. Kết quả quan trắc chất lượng nước hồ Tả Trạch và Khu vực hạ du kỳ 13



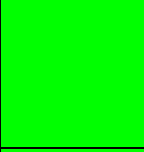
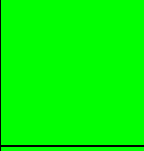
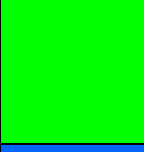
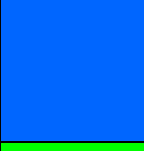
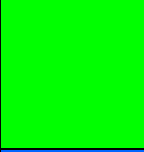

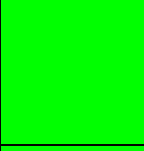
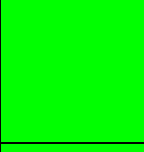

Bảng 3. Kết quả phân tích chất lượng nước hồ Tả Trạch và khu vực hạ du và tính chỉ số chất lượng nước WQI

TT No	Tên chỉ tiêu (Test properties)	Phương pháp thử (Test methods)	Đơn vị tính (Unit)	Kết quả thử nghiệm														Cột B1 QCVN08 MT:2015 / BTNMT
				(Test results)														
				VT1-18-5	VT2-18-5	VT3-18-5	VT4-18-5	VT5-18-5	VT6-18-5	VT7-18-5	VT8-18-5	VT9-18-5	VT10-18-5	VT11-18-5	VT12-18-5	VT13-18-5	VT15-18-5	
1	pH ⁽¹⁾⁽²⁾⁽³⁾	TCVN 6492:2011	-	7,52	7,15	7,38	7,1	7,26	7,24	7,16	7,23	7,38	7,25	7,31	7,54	7,34	7,11	5,5-9
2	EC	SMEWW 2510B:2012	mS/cm	220,5	44,3	106,6	92,7	110,2	59,3	72,2	77,4	42,5	40,7	61,8	25,7	55,9	185,6	
3	DO ⁽¹⁾⁽²⁾	TCVN 7325:2004	mg/L	6,4	5,5	5,3	5,2	5,1	5,8	5,5	6,2	5,3	5,4	5,6	5,7	5,9	5,2	≥4
4	Clorua(Cl ⁻) ⁽¹⁾⁽²⁾	TCVN 6494-1:2011	mg/L	2,682	8,356	32,625	47,51	42,623	4,254	43,414	36,25	7,493	7,138	8,562	8,439	8,624	125,6	350
5	TSS ⁽¹⁾⁽²⁾	TCVN 6625:2000	mg/L	12,6	45,2	48,6	47,3	42,8	42,7	46,3	41,3	50,4	54,8	56,6	42,4	56,1	75,3	50
6	BOD ₅ ⁽¹⁾⁽²⁾	TCVN 6001-1:2008	mg/L	5	7,3	16,1	16,8	16,3	6,7	11,4	7,1	8,2	7,6	7,8	8,7	7,2	17,5	15

TT No	Tên chỉ tiêu (Test properties)	Phương pháp thử (Test methods)	Đơn vị tính (Unit)	Kết quả thử nghiệm														Cột B1 QCVN08 MT:2015 / BTNMT
				(Test results)														
				VT1- 18-5	VT2- 18-5	VT3- 18-5	VT4- 18-5	VT5- 18-5	VT6- 18-5	VT7- 18-5	VT8- 18-5	VT9- 18-5	VT10- 18-5	VT11- 18-5	VT12- -18-5	VT13- -18-5	VT15- -18-5	
7	COD ⁽¹⁾	SMEWW 5220C:2012	mg/L	6	10	26	30	28	12	18	12	15	14	15	15	12	32	30
8	NO ₃ ⁻ -N ⁽¹⁾⁽²⁾	US EPA Method 352.1	mg/L	0,325	0,526	1,932	2,639	2,782	0,873	1,682	0,623	1,267	1,543	0,937	0,879	0,931	3,286	10
9	NH ₄ ⁺ -N ⁽¹⁾⁽²⁾	SMEWW 4500 NH ₃ B,F:2012	mg/L	0,132	0,165	0,883	0,985	0,896	0,234	0,653	0,145	0,387	0,465	0,352	0,293	0,236	1,421	0,9
10	PO ₄ ³⁻ -P ⁽¹⁾	TCVN 6202:2008	mg/L	0,073	0,263	0,285	0,352	0,314	0,185	0,292	0,086	0,31	0,287	0,265	0,207	0,231	0,51	0,3
11	NO ₂ ⁻ -N ⁽¹⁾⁽²⁾	TCVN 6178:1996	mg/L	0,009	0,046	0,034	0,059	0,042	0,015	0,038	0,017	0,043	0,048	0,035	0,038	0,038	0,067	0,05
12	Tổng Coliform ⁽¹⁾	TCVN 6187- 2:1996	MPN/100 mL	265	792	1372	2586	2386	786	1423	532	832	694	835	642	745	2184	7500
13	Nhiệt độ		°C	30,5	30,8	30,2	29,3	29,8	28,6	31,2	29,8	32	33,1	30,6	30,3	30,6	31,6	
14	Độ đục		NTU	4,38	28,67	22,35	25,06	26,14	10,63	22,67	12,63	31,12	75	25,36	70	20,12	75	
WQI				96	92	80	78	77	92	85	97	87	88	89	92	90	67	

II. ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG NƯỚC THEO CHỈ SỐ CHẤT LƯỢNG NƯỚC WQI

Bảng 4. Kết quả đánh giá chất lượng nước theo chỉ số WQI

TT	VT lấy mẫu		WQI	Đánh giá	Màu thể hiện		Xếp loại
	VT	Địa điểm			Màu	Thế hiện	
1	VT1	Hồ Tả Trạch	96	Chất lượng nước rất tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN	Xanh nước biển		A
2	VT2	TB. La Chũ	92	Chất lượng nước tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN	Xanh nước biển		A
3	VT3	Nhà máy dewatering Thủy Dương	80	Chất lượng nước tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN	Xanh lá cây		B
4	VT4	Chợ An Cựu	78	Chất lượng nước tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN	Xanh lá cây		B
5	VT5	Công Phú Cam	77	Chất lượng nước tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN	Xanh lá cây		B
6	VT6	Đập Đá	92	Chất lượng nước rất tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN	Xanh nước biển		A
7	VT7	Cầu Vực	85	Chất lượng nước tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN	Xanh lá cây		B
8	VT8	Đập Thảo Long	97	Chất lượng nước rất tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN	Xanh nước biển		A
9	VT9	Trạm bơm Thủy Châu 1	87	Chất lượng nước tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN	Xanh lá cây		B
10	VT10	Trạm bơm Thủy Phù 2	88	Chất lượng nước tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN	Xanh lá cây		B
11	VT11	Trạm bơm Cổ Bưu	89	Chất lượng nước tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN	Xanh lá cây		B

TT	VT lấy mẫu		WQI	Đánh giá	Màu thể hiện		Xếp loại
12	VT12	Trạm bơm Phú Dương	92	Chất lượng nước tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN	Xanh nước biển		A
13	VT13	Trạm bơm Thủy Thanh 2	90	Chất lượng nước tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN	Xanh lá cây		B
14	VT15	KCN Phú Bài	67	Chất lượng nước trung bình, có thể cấp nước cho SXNN	Vàng		C

Ghi chú: Đánh giá theo hướng dẫn kỹ thuật tính toán và công bố chỉ số chất lượng nước Việt Nam (VN_WQI) ban hành theo Quyết định 1460/QĐ-TCMT, ngày 12/11/2019 của Tổng cục Môi trường. Trong đó:

A- WQI từ 91-100: Sử dụng tốt cho mục đích cấp nước sinh hoạt

B- WQI từ 76-90: Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp;

C- WQI từ 51-75: Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác;

D- WQI từ 26-50: Sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác;

E- WQI từ 10-25: Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai;

G- WQI <10: Nước nhiễm độc, cần có biện pháp khắc phục, xử lý.

III. ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG NƯỚC THEO CHỈ TIÊU HÓA LÝ VÀ VI SINH KỲ 13

Bảng 5. Kết quả đánh giá chất lượng nước theo từng vị trí quan trắc

TT	Vị trí mẫu		Chỉ tiêu hóa lý và vi sinh vượt QCVN 08:2015 cột B1	Khuyến cáo
1	VT1	Hồ Tả Trạch	Các chỉ tiêu phân tích đảm bảo giới hạn cho phép	- Chất lượng nước tốt, có thể sử dụng cấp nước cho sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản.
2	VT2	TB. La Chử	Các chỉ tiêu phân tích đảm bảo giới hạn cho phép	- Chất lượng nước tốt, có thể sử dụng cấp nước cho sản xuất nông nghiệp.
3	VT3	NM.Dệt Thủy Dương	Các chỉ tiêu phân tích đảm bảo giới hạn cho phép, chỉ duy nhất 01 chỉ tiêu vượt giới hạn cho phép là BOD ₅	- Chất lượng nước tốt, có thể sử dụng cấp nước cho sản xuất nông nghiệp. - Nước bị ô nhiễm 01 chỉ tiêu BOD ₅

TT	Vị trí mẫu		Chỉ tiêu hóa lý và vi sinh vượt QCVN 08:2015 cột B1	Khuyến cáo
4	VT4	Chợ An Cựu	Có 03 chỉ tiêu vượt giới hạn cho phép là BOD ₅ , NH ₄ ⁺ , PO ₄ ³⁻	- Chất lượng nước tốt, có thể sử dụng cấp nước cho sản xuất nông nghiệp. - Nước bị ô nhiễm 03 chỉ tiêu BOD ₅ , NH ₄ ⁺ , PO ₄ ³⁻ . Trong quá trình cấp nước cần giảm thiểu ô nhiễm nước đáp ứng yêu cầu cấp nước cho SXNN.
5	VT5	Cổng Phú Cam (cổng Thầy Niệm)	Các chỉ tiêu phân tích đảm bảo giới hạn cho phép, chỉ 02 chỉ tiêu vượt giới hạn cho phép là BOD ₅ , PO ₄ ³⁻	- Chất lượng nước tốt, có thể sử dụng cấp nước cho sản xuất nông nghiệp. - Nước bị ô nhiễm 02 chỉ tiêu BOD ₅ , PO ₄ ³⁻ . Trong quá trình cấp nước cần giảm thiểu ô nhiễm nước đáp ứng yêu cầu cấp nước cho SXNN.
6	VT6	Đập Đá	Các chỉ tiêu phân tích đảm bảo giới hạn cho phép	- Chất lượng nước tốt, có thể sử dụng cấp nước cho sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản.
7	VT7	Cầu vục	Các chỉ tiêu phân tích đảm bảo giới hạn cho phép	- Chất lượng nước tốt, có thể sử dụng cấp nước cho sản xuất nông nghiệp.
8	VT8	Đập Thảo Long	Các chỉ tiêu phân tích đảm bảo giới hạn cho phép	- Chất lượng nước tốt, có thể sử dụng cấp nước cho sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản.
9	VT9	Trạm bơm Thủy Châu 1	Các chỉ tiêu phân tích đảm bảo giới hạn cho phép	- Chất lượng nước tốt, có thể sử dụng cấp nước cho sản xuất nông nghiệp.
10	VT10	Trạm bơm Thủy Phù 2	Các chỉ tiêu phân tích đảm bảo giới hạn cho phép	- Chất lượng nước tốt, có thể sử dụng cấp nước cho sản xuất nông nghiệp.
11	VT11	Trạm bơm Cổ Bưu	Các chỉ tiêu phân tích đảm bảo giới hạn cho phép	- Chất lượng nước tốt, có thể sử dụng cấp nước cho sản xuất nông nghiệp.
12	VT12	Trạm bơm Phú Dương	Các chỉ tiêu phân tích đảm bảo giới hạn cho phép	- Chất lượng nước tốt, có thể sử dụng cấp nước cho sản xuất nông nghiệp.
13	VT13	Trạm bơm Thủy Thanh 2	Các chỉ tiêu phân tích đảm bảo giới hạn cho phép	- Chất lượng nước tốt, có thể sử dụng cấp nước cho sản xuất nông nghiệp.

TT	Vị trí mẫu		Chỉ tiêu hóa lý và vi sinh vượt QCVN 08:2015 cột B1	Khuyến cáo
14	VT15	KCN Phú Bài	Có 04 chỉ tiêu vượt giới hạn cho phép là COD, NH ₄ ⁺ , PO ₄ ³⁻ , NO ₂ ⁻	- Chất lượng nước trung bình, có thể sử dụng cấp nước cho sản xuất nông nghiệp. - Nước bị ô nhiễm 04 chỉ tiêu COD, NH ₄ ⁺ , PO ₄ ³⁻ , NO ₂ ⁻ . Trong quá trình cấp nước cần giảm thiểu ô nhiễm nước đáp ứng yêu cầu cấp nước cho SXNN

Ghi chú: QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột B1 – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2.

IV. KẾT LUẬN

- Lúa trong khu vực hiện đang trong giai đoạn thu hoạch.
- Mặn ở vị trí hạ lưu của đập Thảo Long (VT8) và Cống Quan (VT14) đợt này cao hơn những đợt trước, chỉ số mặn lần lượt là 5,6‰ và 3,7‰.
- Theo số liệu quan trắc chất lượng nước ngày 11/5/2023 nhận thấy: Chất lượng nước tại hầu hết các vị trí quan trắc đều tốt và đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN, các vị trí Nhà máy dệt Thủy Dương (VT3), chợ An Cựu (VT4), Cống Phú Cam (VT5), Cầu Vực (VT7) chất lượng nước đã cải thiện rõ rệt từ mức Trung bình các đợt trước lên mức Tốt ở đợt này (Kết quả phân tích tính theo chỉ số WQI). Tuy nhiên tại vị trí Khu công nghiệp Phú Bài (VT15) kết quả phân tích chất lượng nước cho kết quả trung bình do trong lúc lấy mẫu có hiện tượng xả thải từ khu công nghiệp, nước bị ô nhiễm. Do đó khuyến cáo các đơn vị quản lý vận hành các trạm bơm trên địa bàn cần tiếp tục giám sát chặt chẽ nguồn nước trước lúc vận hành để tránh tình trạng nguồn nước bị ô nhiễm gây ảnh hưởng đến nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản trên địa bàn.

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 5 năm 2023
VIỆN TRƯỞNG

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Tuấn